

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 549 /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước”;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Phụ lục danh mục chế độ báo cáo định kỳ đề nghị giữ nguyên, bãi bỏ, sửa đổi bổ sung được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tại địa chỉ <http://vbqpp.l.mpi.gov.vn/Pages/cddh.aspx?itemId=50e1b6bd-e016-45bb-a3d7-a8909a55a70d&list=documentDetail>

Điều 2. Căn cứ Phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ được phê duyệt:

Giao Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các Cục, Vụ và các đơn vị có liên quan tổng hợp các đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản không thuộc thẩm quyền của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6 năm 2018.

Giao Văn phòng Bộ chủ trì phối hợp với các Cục, Vụ và các đơn vị có liên quan xây dựng văn bản quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Bộ trưởng ký ban hành chậm nhất trong tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, KSTH.

82

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Vũ Đại Thắng

Phụ lục

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ GIỮ NGUYÊN, BÃI BỎ, SỬA ĐỔI BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



(Kèm theo Quyết định số: 549 /QĐ-BKHĐT ngày 27 tháng 4 năm 2018)

I. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ

A. LĨNH VỰC HỢP TÁC XÃ

1. Báo cáo về tình hình phát triển kinh tế tập thể năm, báo cáo và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm tiếp theo

- Căn cứ quy định: Do yêu cầu trong công tác quản lý, điều hành, nên hằng năm Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản đề nghị các bộ, ngành, địa phương báo cáo về tình hình phát triển kinh tế tập thể năm.

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Trùng với báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Kiến nghị thực thi: Định kỳ hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không gửi văn bản yêu cầu các bộ, ngành, địa phương thực hiện báo cáo nêu trên.

B. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

2. Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư (định kỳ hằng quý)

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (Luật Đầu tư 2014), Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài (Nghị định số 83/2015/NĐ-CP), Điều 1 Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23/10/2015 ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Việc theo dõi chỉ tiêu vốn chuyển ra nước ngoài của nhà đầu tư hiện đang trùng lặp với nội dung báo cáo của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước đã quy định Báo cáo tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (thực hiện định kỳ hàng quý) theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư 2014 và/hoặc Nghị định số 83/2015/NĐ-CP và/hoặc Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT theo chương trình, kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ để bãi bỏ báo cáo nêu trên.

C. ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (*Chế độ báo cáo định kỳ rà soát bổ sung, chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2017*)

3. Báo cáo 6 tháng đánh giá về tình hình xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 1 Điều 25, Khoản 3 Điều 26 Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư (*Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg*).

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Số liệu 6 tháng chưa phản ánh đầy đủ về tình hình xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước nói chung.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định tại Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg để bãi bỏ báo cáo nêu trên.

4. Báo cáo 6 tháng về tình hình xúc tiến đầu tư và sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý của Bộ, UBND cấp tỉnh.

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 2 Điều 25, Khoản 3 Điều 26 Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg.

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Cắt giảm gánh nặng hành chính cho các Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Số liệu 6 tháng chưa phản ánh đầy đủ về tình hình xúc tiến đầu tư nói chung.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định tại Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg để bãi bỏ báo cáo nêu trên.

D. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

5. Báo cáo tháng về tình hình thực hiện dự án đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điều 26 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (*Nghị định số*

118/2015/NĐ-CP), Điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam (*Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT*).

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/tháng.

- Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước địa phương có thể sử dụng số liệu báo cáo tại Báo cáo quý về tình hình thực hiện dự án đầu tư.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư 2014 và/hoặc Nghị định số 118/2015/NĐ-CP và/hoặc Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT theo chương trình, kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ để bãi bỏ báo cáo nêu trên.

E. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

6. Báo cáo năm về kết quả thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ (*Chế độ báo cáo định kỳ rà soát bổ sung, chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2017*)

- Văn bản quy định: Điểm 7 Phần IV Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước (*Chỉ thị số 13/CT-TTg*).

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể sử dụng số liệu tại Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu hằng năm.

- Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư không gửi văn bản yêu cầu các bộ, ngành, địa phương thực hiện báo cáo nêu trên.

II. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

A. LĨNH VỰC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

7. Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng, cả năm

- Văn bản QPPL. quy định: Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư (*Nghị định số 84/2015/NĐ-CP*), Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư (*Thông tư*

số 22/2015/TT-BKHĐT).

- Đề cương báo cáo theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/6 tháng.

- Phương án đơn giản hóa: bãi bỏ Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng để giảm 50% số lượng báo cáo.

- Lý do: Số liệu 6 tháng không phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình đầu tư.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định về tần suất báo cáo tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP.

8. Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất.

- Phương án đơn giản hóa: Đảm bảo quy định tại Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT thống nhất với quy định tại Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP.

- Lý do: Nghị định 84/2015/NĐ-CP quy định Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc chương trình, dự án. Trong khi Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT chỉ quy định mẫu báo cáo đối với dự án đầu tư.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định tại Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT thống nhất với quy định tại Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP.

9. Báo cáo giám sát, đánh giá trong giai đoạn khai thác, vận hành

- Văn bản QPPL quy định: Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 2 lần/năm.

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi quy định tại Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT thống nhất với quy định tại Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP.

- Lý do: Nghị định 84/2015/NĐ-CP quy định các loại báo cáo sau:

- + Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình khai thác, vận hành dự án hằng năm trong thời gian từ khi đưa dự án vào khai thác, vận hành đến khi có Báo cáo đánh giá tác động dự án (Điểm a Khoản 7 Điều 68);

+ Báo cáo trước giám sát, đánh giá khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án (đối với dự án nhóm C) (tại Điểm b Khoản 8);

+ Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án (đối với dự án nhóm C) (tại Điểm d Khoản 9);

+ Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án (đối với các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (Điểm d Khoản 10).

Trong khi Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT chỉ quy định mẫu số 06: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ 6 tháng, cả năm trong giai đoạn khai thác, vận hành.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định tại Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT thống nhất với quy định tại Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP.

10. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công dự án (đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư)

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 9 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất.

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi tiêu đề của báo cáo tại mẫu 07 thống nhất với tên gọi của báo cáo.

- Lý do: Đảm bảo sự thống nhất về tên gọi của báo cáo tại các văn bản quy phạm pháp luật.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi tiêu đề báo cáo tại mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

11. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ (trong giai đoạn thực hiện đầu tư đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư)

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 9 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi tiêu đề của báo cáo tại mẫu 08 thống nhất với tên gọi của báo cáo.

- Lý do: Đảm bảo sự thống nhất về cùng một loại báo cáo tại các vị trí khác nhau trong các văn bản quy phạm pháp luật.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi tiêu đề báo cáo tại mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

12. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công dự án (đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

- Văn bản QPPL quy định: Điểm c Khoản 10 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất.

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi tiêu đề của báo cáo tại mẫu 11 thống nhất với tên gọi của báo cáo.

- Lý do: Đảm bảo sự thống nhất về tên gọi của báo cáo tại các văn bản quy phạm pháp luật.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi tiêu đề báo cáo tại mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

13. Báo cáo giám sát định kỳ của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 13 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015.

- Đề cương báo cáo theo Mẫu số 17 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý, 6 tháng, năm.

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi tiêu đề của mẫu 17 tại Khoản 6 Điều 2 Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT thành “Mẫu số 17: Báo cáo giám sát định kỳ quý, 6 tháng, cả năm của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng” đảm bảo thống nhất về tần suất báo cáo quy định tại Khoản 13 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP

- Lý do: Đảm bảo sự thống nhất về tần suất báo cáo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 6 Điều 2 Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

B. LĨNH VỰC HỢP TÁC XÃ

13. Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã ở cấp huyện

- Văn bản QPPL quy định: Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã (Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT).

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Đề cương báo cáo theo Phụ lục số II-13 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Lý do: Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử tại Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

14. Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã ở cấp tỉnh

- Văn bản QPPL quy định: Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Đề cương báo cáo theo Phụ lục số II-14 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

- Phương án đơn giản hóa: quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Lý do: Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử tại Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

15. Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã

- Văn bản QPPL quy định: Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Đề cương báo cáo theo Phụ lục số I-18 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Lý do: Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định về hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử tại Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

16. Báo cáo tình hình đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Văn bản QPPL quy định: Điều 24 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.
- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.
- Đề cương báo cáo theo Phụ lục số II-12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.
- Phương án đơn giản hóa: Giảm tần suất thực hiện báo cáo xuống còn 01 lần/6 tháng.
- Lý do: Giảm 50% số lượng báo cáo.
- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định về tần suất báo cáo tại Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

17. Báo cáo kết quả đăng ký hợp tác xã

- Văn bản QPPL quy định: Điều 24 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.
- Đề cương báo cáo theo Phụ lục số II-11 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.
- Tần suất báo cáo: 1 lần/tháng
- Phương án đơn giản hóa: Giảm tần suất thực hiện báo cáo xuống còn 01 lần/quý.
- Lý do: Giảm 75% số lượng báo cáo.
- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định về tần suất báo cáo tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

C. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

18. Báo cáo tổng hợp tình hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương (UBND tỉnh).

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 5 Điều 26 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 18/3/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị định số 39/2018/NĐ-CP).
- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.
- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu báo cáo, hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.

UBND Thành phố Đà Nẵng kiến nghị: sửa đổi khoản 5 Điều 26 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP cho phép Chủ tịch UBND cấp tỉnh báo cáo thay vì quy định thẩm quyền báo cáo như hiện nay của UBND cấp tỉnh.

- Lý do: Nghị định chưa quy định biểu mẫu báo cáo, chưa quy định hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Quy định tại Thông tư hướng dẫn để thực thi phương án đơn giản hóa nêu trên.

19. Báo cáo tình hình triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 5 Điều 27 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/ năm

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu báo cáo, hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.

- Lý do: Nghị định chưa quy định biểu mẫu báo cáo, chưa quy định hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Quy định tại Thông tư hướng dẫn để thực thi phương án đơn giản hóa nêu trên.

D. ĐĂNG KÝ, HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

20. Báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập (*Chế độ báo cáo định kỳ rà soát bổ sung, chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2017*)

- Văn bản QPPL quy định: Điều 17 và Điều 18 Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28/5/2015 về Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập (*Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV*).

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

+ Trong tháng 1 hàng năm, cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước.

+ Trong tháng 2 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này, đồng thời gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

- Hình thức gửi báo cáo: Chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Phương án đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo cáo. Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo.

+ Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo.

- Lý do: Thông tư liên tịch chưa quy định mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo và chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

21. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP và Chỉ thị 26/CT-TTg (Chế độ báo cáo định kỳ rà soát bổ sung, chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2017)

- Văn bản quy định: Công văn số 7661/BKHĐT-PTDN ngày 21/9/2017 về việc báo cáo hàng quý tình hình thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP và Chỉ thị 26/CT-TTg (Công văn số 7661/BKHĐT-PTDN).

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý

- Hình thức gửi báo cáo: Chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Phương án đơn giản hóa: Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo.

- Lý do: Công văn 7661/BKHĐT-PTDN chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định Công văn số 7661/BKHĐT-PTDN để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

E. DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC (Chế độ báo cáo định kỳ rà soát bổ sung, chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2017)

22. Báo cáo tình hình thực hiện chiến lược của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 115/2014/NĐ-CP

ngày 03/12/2014 của Chính phủ quy định chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước (Nghị định số 115/2014/NĐ-CP).

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.
- Tần suất báo cáo:
 - + Trước ngày 15 tháng 6 của năm thứ 06 thực hiện chiến lược.
 - + Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc chiến lược 10 năm.
- Hình thức gửi báo cáo: Chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.
- Phương án đơn giản hóa:
 - + Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo cáo. Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo.
 - + Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.
- Lý do: Nghị định số 115/2014/NĐ-CP chưa quy định mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo và chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.
- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 115/2014/NĐ-CP hoặc Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

23. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 115/2014/NĐ-CP.
- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.
- Tần suất báo cáo:
 - + Trước ngày 15 tháng 8 năm thứ 03 của kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm được giao.
 - + Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc kế hoạch 05 năm, gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 05 năm được giao.
- Hình thức gửi báo cáo: chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.
- Phương án đơn giản hóa:
 - + Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo

cáo. Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo.

- Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.

- Lý do: Nghị định số 115/2014/NĐ-CP chưa quy định mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo và chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 115/2014/NĐ-CP hoặc Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

24. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh được giao trong năm trước của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 115/2014/NĐ-CP.

- Đề cương báo cáo: Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Tần suất báo cáo: 1 lần /năm, trước ngày 15/6.

- Hình thức gửi báo cáo: Chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Phương án đơn giản hóa: Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.

- Lý do: Nghị định số 115/2014/NĐ-CP chưa quy định mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo và chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 115/2014/NĐ-CP hoặc Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

25. Báo cáo kết quả sắp xếp doanh nghiệp nhà nước năm trước và kế hoạch thực hiện năm báo cáo trong phạm vi phụ trách (Bộ, UBND cấp tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp).

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 1, 2 và 4 Điều 3 Quyết định số

58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020 (*Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg*).

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.
- Tần suất báo cáo: 1 lần /năm, trước ngày 15/4.
- Hình thức gửi báo cáo: Chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Phương án đơn giản hóa:
+ Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo cáo. Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo.

+ Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.

- Lý do: Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg chưa quy định mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo và chưa quy định hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

G. ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (*Chế độ báo cáo định kỳ rà soát bổ sung, chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2017*)

26. Báo cáo năm về tình hình xúc tiến đầu tư và sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý của Bộ, UBND cấp tỉnh, Ban quản lý khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 3 Điều 25, Khoản 3 Điều 26 Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư (*Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg*).

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.
- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.
- Phương án đơn giản hóa: Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo cáo. Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo.
- Lý do: Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg chưa quy định mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

27. Báo cáo tháng, quý, hằng năm của Bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 5 Điều 25, Khoản 3 Điều 26 Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg.

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/tháng.

- Phương án đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo cáo. Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo.

+ Bỏ báo cáo tháng, chỉ thực hiện báo cáo quý, hằng năm. Giảm tần suất thực hiện báo cáo 1 lần/quý để cắt giảm 75% số lượng báo cáo.

- Lý do: Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg chưa quy định mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể sử dụng số liệu báo cáo tại Báo cáo quý về tình hình xúc tiến đầu tư của Bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài (*Bộ, UBND và Ban Quản lý chi phái báo cáo 6 tháng và 1 năm*).

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

28. Báo cáo thực hiện đề án xúc tiến đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 4 Điều 26 Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg và Điều 10 Quy chế Xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ (*Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg*).

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Phương án đơn giản hóa: Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo cáo. Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo.

- Lý do: Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg chưa quy định mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

H. ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

29. Báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (*Luật Đầu tư 2014*), Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài (*Nghị định số 83/2015/NĐ-CP*).

- Đề cương báo cáo: Chưa quy định.
- Tần suất báo cáo: 2 lần/năm.
- Phương án đơn giản hóa:
 - + Bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo: 31/12 hằng năm
 - + Bổ sung thời điểm gửi báo cáo: 30/01 năm tiếp theo
 - + Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo cáo.
 - + Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo
- Lý do: Luật Đầu tư 2014 và Nghị định số 83/2015/NĐ-CP chưa quy định thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm gửi báo cáo, mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 83/2015/NĐ-CP hoặc tại Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23/10/2015 ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài (*Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT*) để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

30. Báo cáo định kỳ hàng năm tình hình hoạt động dự án đầu tư ra nước ngoài

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư, Nghị định số 83/2015/NĐ-CP, Điểm j Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.
- Phương án đơn giản hóa:
 - + Bổ sung thời điểm chốt số liệu báo cáo: 31/12 hằng năm
 - + Bổ sung thời điểm gửi báo cáo: Trước 15/01 năm tiếp theo
- Lý do: Luật Đầu tư 2014 và Nghị định số 83/2015/NĐ-CP chưa quy định thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm gửi báo cáo.
- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 83/2015/NĐ-

CP hoặc tại Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

31. Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Điểm c Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư 2014, Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP.

- Đề cương báo cáo: chưa quy định.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất.

- Phương án đơn giản hóa:

- Sửa đổi tên báo cáo thành “Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư ra nước ngoài sau khi có quyết toán thuế tại nước ngoài”.

+ Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo cáo.

+ Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo.

- Lý do: Luật Đầu tư 2014 và Nghị định số 83/2015/NĐ-CP chưa quy định mẫu đề cương báo cáo, mẫu bảng, biểu số liệu báo cáo. Tên báo cáo chưa rõ ràng, phản ánh đúng yêu cầu về nội dung của báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 83/2015/NĐ-CP hoặc tại Thông tư số 09/2015/TT-BKHĐT ngày 23/10/2015 ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

I. ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ

32. Báo cáo 6 tháng của chủ Ban Quản lý chương trình, dự án

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 1 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Nghị định số 93/2009/NĐ-CP), Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 20/3/2010 Hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Thông tư số 07/2010/TT-BKH).

- Đề cương báo cáo: theo mẫu tại Phụ lục 6.a ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH.

- Tần suất báo cáo: 01 lần/6 tháng.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định rõ thời điểm gửi báo cáo: trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo.

- Lý do: Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT giao Cơ quan phê duyệt khoản

viện trợ PCPNN quy định.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

33. Báo cáo năm của chủ Ban Quản lý chương trình, dự án

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 1 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục 6.b ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định rõ thời điểm gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Lý do: Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT giao Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN quy định.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

34. Báo cáo kết thúc của chủ Ban Quản lý chương trình, dự án

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 1 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, Điều 9 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục 6.c ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất khi kết thúc dự án.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định rõ thời điểm gửi báo cáo: chậm nhất 6 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện chương trình, dự án.

- Lý do: Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT giao Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN quy định.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT để thực thi phương án đơn giản hóa đề xuất trên đây.

35. Báo cáo về tình hình thực hiện chương trình, dự án của chủ dự án

- Văn bản QPPL quy định: Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 03 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 16/2016/NĐ-CP), Điều 23 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 08 năm 2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT).

- Đề cương báo cáo theo Mẫu IV-GSDG 1 ban hành kèm theo Thông tư 12/2016/TT-BKHĐT

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Phương án đơn giản hóa:

+ Quy định tần suất báo cáo 6 tháng và hằng năm.

+ Quy định bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo giấy và báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Lý do: Giảm 50% tần suất báo cáo. Tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện của đối tượng báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định về tần suất và bổ sung quy định về hình thức báo cáo tại Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT để thực hiện phương án đơn giản hóa nêu trên.

36. Báo cáo tổng hợp về tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của cơ quan chủ quản

- Văn bản QPPL quy định: Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, Điều 24 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo theo Mẫu IV-GSDG 5 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Phương án đơn giản hóa:

- Quy định tần suất báo cáo 6 tháng và hằng năm.

+ Quy định bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo giấy và báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Lý do: Giảm 50% tần suất báo cáo, tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện của đối tượng báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định về tần suất và bổ sung quy định về hình thức báo cáo tại Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT để thực hiện phương án đơn giản hóa nêu trên.

37. Báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công

- Văn bản QPPL quy định: Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, Điều 23 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu IV-GSDG 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo giấy và báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Lý do: Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT chưa quy định hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định về hình thức báo cáo tại Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT để thực hiện phương án đơn giản hóa nêu trên.

38. Báo cáo giám sát đánh giá khi điều chỉnh dự án

- Văn bản QPPL quy định: Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, Điều 23 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu IV-GSDG 3 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất khi điều chỉnh dự án.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo giấy và báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Lý do: Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT chưa quy định hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định về hình thức báo cáo tại Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT để thực hiện phương án đơn giản hóa nêu trên.

39. Báo cáo kết thúc chương trình, dự án

- Văn bản QPPL quy định: Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, Điều 23 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu IV-GSDG 4 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất khi kết thúc dự án.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo giấy và báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Lý do: Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT chưa quy định hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định về hình thức báo cáo tại Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT để thực hiện phương án đơn giản hóa nêu trên.

K. THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM

40. Báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán NSNN hằng năm

- Văn bản QPPL quy định: Nghị quyết 01/NQ-CP hằng năm của Chính phủ, công văn gửi Bộ, ngành, địa phương trước thời điểm báo cáo.

- Phương án đơn giản hóa:

+ Quy định bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo giấy và báo cáo qua phần mềm điện tử.

+ Mẫu hóa báo cáo với quy định cụ thể về nội dung báo cáo, đề cương báo cáo. Mẫu hóa các bảng, biểu số liệu báo cáo để thực hiện thống nhất.

- Lý do: Tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện của đối tượng báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Xây dựng hệ thống tổng hợp báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP trên Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, cho phép các bộ ngành, địa phương gửi bản mềm báo cáo lên Hệ thống và cập nhật tình hình thực hiện Nghị quyết định kỳ hằng tháng, đồng thời quy định mẫu báo cáo với nội dung, đề cương, bảng, biểu số liệu cụ thể, thống nhất.

L. LĨNH VỰC CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

41. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước (Nghị định số 81/2015/NĐ-CP).

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Phương án đơn giản hóa: Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.

- Lý do: Tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện của đối tượng báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định tại Điều 14 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP để thực thi phương án đơn giản hóa nêu trên.

42. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội (nếu có)

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP.
- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP
- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.
- Phương án đơn giản hóa: Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.
- Lý do: Tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện của đối tượng báo cáo.
- Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định tại Điều 14 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP để thực thi phương án đơn giản hóa nêu trên.

43. Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP.
- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP.
- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.
- Phương án đơn giản hóa: Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ <http://www.business.gov.vn>.
- Lý do: Tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện của đối tượng báo cáo.
- Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định tại Điều 14 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP để thực thi phương án đơn giản hóa nêu trên.

44. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP.
- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP.
- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.
- Phương án đơn giản hóa: Bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả hai hình thức là báo cáo qua phần mềm điện tử để gửi và nhận báo cáo qua Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ

- Lý do: Tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện của đối tượng báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định tại Điều 14 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP để thực thi phương án đơn giản hóa nêu trên.

III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ GIỮ NGUYÊN

A. LĨNH VỰC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

45. Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước cập nhật thông tin về tình hình thực hiện dự án định kỳ để quản lý. Mặt khác báo cáo được thực hiện trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước (*Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT*).

46. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành (đối với các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tư)

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 9 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước cập nhật thông tin định kỳ về tình hình khai thác, vận hành để quản lý. Mặt khác báo cáo được thực hiện trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước (*Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT*).

47. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công

- Văn bản QPPL quy định: Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất.

Lý do: để các cơ quan có thẩm quyền nắm được thông tin tổng thể về dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trước khi khởi công.

48. Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất khi điều chỉnh dự án đầu tư.

Lý do: để các cơ quan có thẩm quyền nắm được thông tin cần thiết về dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trước khi điều chỉnh.

49. Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư (*Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khai thác vận hành đối với dự án nhóm C*)

- Văn bản QPPL quy định: Điểm d Khoản 9 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất.

Lý do: để các cơ quan có thẩm quyền nắm được thông tin cần thiết về quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư. Kết quả thực hiện các nội dung đã quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Hợp đồng dự án và kết quả thực hiện về vốn đầu tư.

50. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ (*6 tháng và cả năm*) trong giai đoạn thực hiện đầu tư đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 10 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/6 tháng.

Lý do: để các cơ quan có thẩm quyền định kỳ nắm được thông tin cần thiết về quá trình thực hiện dự án đầu tư như: Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án; Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định; Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan; Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện

dự án (đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác).

51. Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư (Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sử dụng nguồn vốn khác)

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b Khoản 10 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất.

Lý do: Để các cơ quan có thẩm quyền nắm được thông tin cần thiết về quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư, Kết quả thực hiện các nội dung đã quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Hợp đồng dự án và Kết quả thực hiện về vốn đầu tư (đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác).

52. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ 6 tháng, cả năm trong giai đoạn khai thác, vận hành (đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác)

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 10 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/6 tháng.

Lý do: Để các cơ quan có thẩm quyền nắm được thông tin cần thiết về quá trình vận hành dự án đầu tư: tình hình sản xuất, kinh doanh; việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan; tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư; những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án (đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác).

53. Báo cáo tình hình giải ngân vốn đầu tư công quý, 6 tháng, cả năm của Kho bạc nhà nước cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b Khoản 12 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

Lý do: Để Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hàng quý nắm được thông tin cần thiết về: tình hình giải ngân các chương trình đầu tư công; tình hình giải ngân các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công và những khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư (nếu có).

54. Báo cáo tình hình giải ngân vốn đầu tư công quý, 6 tháng, cả năm của Kho bạc nhà nước cấp Trung ương

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 12 Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

Lý do: Đề Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hàng quý năm được thông tin cần thiết về: tình hình giải ngân các chương trình đầu tư công; tình hình giải ngân các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công và những khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư (nếu có).

B. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (Chế độ báo cáo định kỳ rà soát bổ sung, chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2017)

55. Báo cáo quý về tình hình hoạt động của dự án đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điều 26 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng quý, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan quản lý nhà nước.

56. Báo cáo năm về tình hình hoạt động của dự án đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điều 26 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Cơ quan quản lý cần cập nhật thông tin để theo dõi tình hình hoạt động của dự án đầu tư hằng năm.

57. Báo cáo tình hình đầu tư nước ngoài theo quý của UBND cấp tỉnh

(Quý I và Quý III).

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 4 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: Quý I và Quý III.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng quý, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan quản lý nhà nước.

58. Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện dự án đầu tư nước ngoài 6 tháng của UBND cấp tỉnh

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 5 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/6 tháng.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng quý, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan quản lý nhà nước.

59. Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện dự án đầu tư nước ngoài năm của UBND cấp tỉnh

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 6 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan quản lý nhà nước.

60. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư nước ngoài theo quý của

UBND cấp tỉnh.

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 7 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng quý, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan quản lý nhà nước.

61. Báo cáo tình hình giãn tiến độ, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động dự án ĐTNN của UBND cấp tỉnh đến quý....

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 8 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng quý, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan quản lý nhà nước.

62. Báo cáo 6 tháng về danh mục các dự án đầu tư nước ngoài đang tìm hiểu cơ hội đầu tư

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 9 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/6 tháng.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

63. Báo cáo quý của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo pháp luật chuyên ngành về tình hình cấp mới giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận

đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ tương đương.

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng quý, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan quản lý nhà nước.

64. Báo cáo quý của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo pháp luật chuyên ngành về tình hình điều chỉnh giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ tương đương.

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 11 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng quý, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan quản lý nhà nước.

65. Báo cáo quý của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo pháp luật chuyên ngành về tình hình tạm dừng, giãn tiến độ, chấm dứt hoạt động dự án đầu tư nước ngoài

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng quý, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan quản lý

nhà nước.

66. Báo cáo quý về tình hình hợp tác đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 13 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/quý.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng quý, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

67. Báo cáo năm của Bộ Tài chính về tình hình xuất nhập khẩu của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Văn bản QPPL quy định: Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 14 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

68. Báo cáo năm của Bộ Tài chính về tình hình sản xuất kinh doanh và nộp ngân sách của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 15 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

69. Báo cáo năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình cấp phép cho lao động nước ngoài của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị

định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 16 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

70. Báo cáo năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình cho thuê và sử dụng đất tại các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 17 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

71. Báo cáo năm của Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình ký kết và thực hiện các hợp đồng chuyển giao công nghệ tại tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Điểm b, c Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư 2014, Điểm a Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Đề cương báo cáo: Theo Biểu 18 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Lý do: Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần cập nhật thông tin để hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

C. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

72. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

- Văn bản QPPL quy định: Điều 81, 84 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Khoản 13 Điều 129 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về

lựa chọn nhà thầu.

- Đề cương báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT-BKHĐT.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm

Lý do: Tổng hợp thông tin về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên phạm vi cả nước trong 01 năm để báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo điều hành.

D. ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ

73. Báo cáo 6 tháng của chủ khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài(PCPNN).

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 2 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Nghị định số 93/2009/NĐ-CP), Điều 10 Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 20/3/2010 Hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (*Thông tư số 07/2010/TT-BKH*).

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục 6.a ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/6 tháng

Lý do: Cập nhật thường xuyên tình hình quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài của các cơ quan chủ khoản viện trợ.

74. Báo cáo năm của chủ khoản viện trợ PCPNN

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 2 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, Điều 10 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục 6.b ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm

Lý do: Cập nhật thường xuyên tình hình quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài của các cơ quan chủ khoản viện trợ.

75. Báo cáo kết thúc của chủ khoản viện trợ PCPNN

- Văn bản QPPL quy định: Điểm a Khoản 2 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, Điều 10 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục 6.c ban hành kèm theo Thông tư

07/2010/TT-BKH.

- Tần suất báo cáo: 1 lần duy nhất.

Lý do: Cập nhật thường xuyên tình hình quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài của các cơ quan chủ khoản viện trợ.

76. Báo cáo tổng hợp 6 tháng và hằng năm về kết quả vận động và tình hình thực hiện các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 3 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, Điều 11 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/6 tháng.

Lý do: Cập nhật thường xuyên tình hình quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài của các cơ quan chủ quản.

77. Báo cáo tổng hợp 6 tháng và hằng năm về kết quả phê duyệt, quản lý các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 4 Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, Điều 12 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/6 tháng.

Lý do: Cập nhật thường xuyên tình hình quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài của các cơ quan chủ quản.

78. Báo cáo tổng hợp định kỳ hằng năm về tình hình vận động, thu hút viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam

- Văn bản QPPL quy định: Khoản 3 Điều 38 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, Điều 13 Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

Lý do: Cập nhật thường xuyên tình hình quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

E. THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM

79. Báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công

- Văn bản QPPL quy định: Luật Đầu tư công 2014; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (*Nghị định số 136/2015/NĐ-CP*); Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư (*Nghị định số 84/2015/NĐ-CP*); Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (*ODA*) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (*Nghị định số 16/2016/NĐ-CP*); Thông tư 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công (*Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT*).

- Đề cương báo cáo: Theo mẫu trên Hệ thống thông tin tại địa chỉ: <https://dautucong.mpi.gov.vn>

Lý do: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn để đáp ứng việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, quản lý nhà nước về đầu tư công.

80. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm

- Văn bản QPPL quy định: Luật Đầu tư công, Quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách hàng năm của Thủ tướng Chính phủ.

Lý do: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, làm căn cứ tổng hợp, trình Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của quốc gia.

81. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm và thông báo cho các Bộ, ngành và địa phương

- Văn bản QPPL quy định: Luật Đầu tư công 2014.

Lý do: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, làm căn cứ tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

82. Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm và tình hình triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm tiếp theo

- Căn cứ quy định: Chương trình công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Lý do: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của

các bộ, ngành, địa phương hàng năm và dự kiến việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm tiếp theo để thực hiện yêu cầu tại Chương trình công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

83. Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội năm và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm tiếp theo và dự toán NSNN năm tiếp theo

- Căn cứ quy định: Phục vụ kỳ họp Quốc hội hằng năm

Lý do: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các bộ, ngành, địa phương hàng năm và dự kiến việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm tiếp theo đáp ứng yêu cầu của kỳ họp Quốc hội hằng năm./.